**BÀI 23: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

–Củng cố một số kĩ năng liên quan đến phân số thập phân, số thập phân.

–Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh  - Cách tiến hành: | |
| **a. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi “**Đố bạn”**  - GV luật chơi , cách chơi:  Cùng lắng nghe cô giáo đọc và viết số thập phân vào bảng con.  **Câu 1: Viết số: Bảy phảy không năm tám.**  **Câu 2: Đọc số: 5,55**  - GV nhận xét, tuyên dương.  **b. Kết nối**  - GV dẫn dắt vào bài mới | * HS lắng nghe * HS tham gia chơi.   7,058  Năm phảy năm lăm  Học sinh nhắc lại tên bài học. |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **-** Mục tiêu: *Củng cố một số kĩ năng liên quan đến phân số thập phân, số thập phân. Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản.*  **- Cách tiến hành:** | |
| **Bài tập 1**:  - GV gọi HS đọc yêu cầu BT1  - Tổ chức HS làm việc cá nhân trong vòng 3 phút.  - Mời HS lên bảng trình bày.  Khi sửa bài, GV có thể chiếu (hoặc treo) từng hình cho HS quan sát và thực hiện vào bảng con, gọi vài nhóm HS giải thích cách làm.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV kết luận.  **Bài 2:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu BT2  - Khi sửa bài, HS **giải thích** tại sao chọn đáp án đó.  *Lưu ý:* GV giúp các em chọn sai nhận ra chỗ sai của mình.  **Bài 3:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu BT3  - Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn điền dấu đó.   GV hệ thống các cách so sánh số thập phân:   * Số thập phân có phần nguyên lớn hơn? * Hai số có số thập phân có phần nguyên bằng nhau? * Hai số thập phân có phần nguyên và phần thập phân bằng nhau?   **Bài 4:**  - Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em viết thêm chữ số 0 vào tận cùng bên phải của phần thập phân để phần thập phân của các số có số chữ số bằng nhau, rồi viết theo cột dọc để so sánh thuận lợi.  – GV viết các số theo cột dọc để giúp HS giải thích.  **Bài 5:**   * GV giúp đỡ các em **nhận biết** yêu cầu của bài. * Khi sửa bài, GV yêu cầu HS thực hiện vào bảng con  Gọi vài HS đọc số của mình    GV ghi nhận lên bảng lớp  Hệ thống lại cách so sánh các số thập phân. | – HS nhận biết yêu cầu của bài:  a) Quan sát hình vẽ 🡪 Viết phân số thập phân 🡪 Chuyển thành số thập phân.  b) Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.  c) Làm tròn số đến hàng đơn vị.  – HS thực hiện cá nhân 🡪chia sẻ nhóm đôi.    b) 0,5; 0,85; 1,27; 1,72.  c) 1; 1; 1; 2.  – HS giải thích cách làm.    - HS **nhận biết** yêu cầu của bài: Xác định câu đúng, câu sai.   * HS **tìm hiểu** bài rồi thực hiện. * HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm đôi.   a) Sai b) Đúng c) Đúng  – HS **giải thích** tại sao chọn đáp án đó.  a) Số 2,22 gồm 2 đơn vị, 2 phần mười và 2 phần trăm.  ...  – Nhóm hai HS **tìm hiểu bài, nhận biết** yêu cầu của bài: **So sánh – Điền dấu**.   1. 27,4 > 9,485 645,36 < 1 000,5 2. 54,08 < 54,1 73 = 73,000 3. 86,03 > 86 20,2 > 20,02   – HS **giải thích** tại sao chọn điền dấu đó. Ví dụ:   1. 27,4 > 9,485 (Vì 27 > 9  Chọn dấu >).   …   * + Số thập phân có phần nguyên lớn hơn thì lớn hơn.   + Hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau: So sánh các cặp chữ số cùng hàng của phần thập phân theo thứ tự từ trái sang phải. Cặp chữ số đầu tiên khác nhau  Kết luận.   + Hai số thập phân có phần nguyên và phần thập phân bằng nhau thì bằng nhau. * HS (nhóm đôi) **đọc** yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ rồi **thảo luận**. * HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ**. HS **đọc** để sửa bài, GV viết lên bảng:   0,55; 5; 5,05; 50,5  HS **giải thích**   * HS (nhóm bốn) **tìm hiểu** bài, một vài nhóm **trình bày** trước lớp xem cần thực hiện những việc gì. * HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm.   HS viết một số thập phân vào bảng con (mỗi HS viết một số).  58,11; 58,18; 58,119;...  - HS có thể giải thích.  + Dựa vào số thập phân bằng nhau:  58,1 = 58,10 và 58,2 = 58,20  + Đếm thêm 1 ở hàng phần trăm:  58,10  58,11  58,12  58,13  …   58,20   Số thập phân cần tìm có thể là những số sau: 58,11; 58,112; 58,12; 58,13; …; 58,19 |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**BÀI 23: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

–Củng cố một số kĩ năng liên quan đến phân số thập phân, số thập phân.

–Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Hoạt động khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi “**Tâm đầu ý hợp”**  Câu 1: Làm tròn số 8,21 đến hàng phần mười.  Câu 2: Làm tròn số 1,9655 đến hàng phần trăm.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | * HS tham gia chơi.   8,1  1,97  Học sinh nhắc lại tên bài học. | |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập**  **-** Mục tiêu:  *–Củng cố một số kĩ năng liên quan đến phân số thập phân, số thập phân.*  *–Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản.*  **- Cách tiến hành:** | | |
| **Bài 6**:  - GV gọi HS đọc yêu cầu BT6  - Khi sửa bài, GV cũng có thể trình chiếu  từng câu lên (hoặc cho HS đọc từng câu), cả  lớp chọn đáp án rồi đưa lên theo hiệu lệnh  của GV, khuyến khích HS giải thích tại sao lại chọn đáp án đó.  Lưu ý: GV giúp các em chọn sai nhận ra chỗ sai của mình. | – HS thực hiện cá nhân.  –HS trình bày trước lớp: Nói kết quả và giải thích tại sao chọn ý đó..  a) C b) D c) B d) A.  – HS giải thích. | |
| **Bài 7**: Thực hiện tương tự Bài 6.  - GV gọi HS đọc yêu cầu BT7  – Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm.  Lưu ý: GV giúp các em chọn sai nhận ra chỗ sai của mình.  **Bài 8:**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em xác định:  - STP có ba chữ số gồm một chữ số ở phần nguyên và hai chữ số ở phần thập phân.  - Sau khi làm tròn đến hàng phần mười thì được 1,5 . Chữ số ở phần nguyên là 1 và hai chữ số ở phần thập phân có thể là một trong các số: 45; 46; 47; …; 54  – Khi sửa bài, GV yêu cầu HS đọc số và giải thích tại sao chọn số đó, GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày.  **Bài 9:**  – Có thể thực hiện bằng cách giao việc cho  các nhóm GQVĐ.  •Bước 1: Tìm hiểu vấn đề  •Bước 2: Lập kế hoạch  •Bước 3: Tiến hành kế hoạch  GV lưu ý HS:  Chỉ có mười chữ số là: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6;  7; 8; 9.  •Bước 4: Kiểm tra lại  GV hệ thống cách thực hiện của các nhóm. | – HS thực hiện cá nhân.  – HS trình bày trước lớp: Nói kết quả và giải thích cách làm.  a) Đúng b) Sai c) Đúng  – HS giải thích.  Ví dụ:  b) 1 triệu gấp 10 lần 1 trăm nghìn  - Gấp 10 × 10 lần 1 chục nghìn  - Gấp 10 × 10 × 10 lần 1 nghìn  - Gấp 1000 lần 1000  hay 1000000 : 1000 = 1000  - Sai.  – HS đọc yêu cầu.  – HS thảo luận (nhóm đôi) tìm hiểu bài, xác định các việc cần làm: Số?  – HS thảo luận tìm cách làm:  Số thập phân bé nhất có ba chữ số.  Làm tròn được số 1,5. Phần thập phân có hai chữ số.  – HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ. 1,45  – HS giải thích tại sao chọn số đó  Số thập phân cần tìm có thể là những số sau: 1,45; 1,46; 1,47; ...; 1,54. Số thập phân bé nhất: 1,45 vì làm tròn số 1,45 đến hàng phần mười ta được số 1,5  Nhận biết vấn đề cần giải quyết: Số thập phân?  Nêu được cách thức GQVĐ:  + Tìm số lẻ bé nhất có một chữ số.  + Tìm số chẵn lớn nhất có một chữ số.  + Dựa vào số thập phân bằng nhau.  HS thực hiện theo cách thức ở Bước 2. Bạn Ly đã viết số: 4,18  HS trình bày cách làm trước lớp.  Ví dụ:  + Chữ số lẻ bé nhất là 1. Chữ số hàng phần mười là 1.  + Chữ số chẵn lớn nhất là 8 . Chữ số hàng phần trăm là 8.  + Dựa vào số thập phân bằng nhau: 4 = 4,00 và 5 = 5,00. STP này lớn hơn 4 nhưng bé hơn 5  - 4,00 < .?. < 5,00.  Chữ số ở phần nguyên là 4 . Số cần tìm là: 4,18.  Số 4,18 có: Chữ số hàng phần mười là 1. Chữ số lẻ bé nhất.  Chữ số hàng phần trăm là 8. Chữ số chẵn lớn nhất.  4 < 4,18 < 5 | |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  *+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.*  *+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | | |
| **Khám phá**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  - Khi sửa bài, GV có thể treo (hoặc trình chiếu) hình vẽ biểu đồ cho HS tiếp sức để điền khuyết và nêu câu trả lời kết hợp thao tác trên hình vẽ khi trình bày và giải thích cách làm.  **Đất nước em**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  –Khi sửa bài, GV đưa từng số liệu, cho HS giơ bảng con ghi đáp án và giải thích (mỗi nhóm trình bày một số).  *Mở rộng:* GV có thể giới thiệu sơ lược về các dân tộc này.    Người Kinh còn có tên gọi khác là: Người Việt.  Người Tày có mặt ở Việt Nam từ rất sớm và là một trong những chủ nhân đầu tiên của nước Việt cổ.  Người Thái có cội nguồn ở vùng Đông Nam Á, tổ tiên xa xưa của người Thái có mặt ở Việt Nam từ rất sớm, có hai nhóm chính: Thái Trắng và Thái Đen.  Người Ê-đê là cư dân có mặt lâu đời ở miền Trung – Tây Nguyên. Cho đến nay, cộng đồng Ê-đê vẫn tồn tại những truyền thống đậm nét mẫu hệ ở nước ta. | | –HS đọc yêu cầu.  – HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu và thảo luận cách làm:  Dựa vào số liệu ở bảng thống kê  . Hoàn thiện biểu đồ.  – HS thực hiện cá nhân.    HS giải thích cách làm.  Các cột trên biểu đồ biểu thị từ thấp đến cao  - Các số đo từ bé đến lớn  0,275; 1,2; 7; 7,7  - Chim cánh cụt hoàng đế–Rùa da – Bạch tuộc Đăm-bô (Dumbo)–Cá nòng nọc.  –HS (nhóm bốn) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài.  –HS làm bài (mỗi HS/một số) rồi chia sẻ  với bạn trong nhóm.  a)  Dân tộc Kinh: khoảng 82 086 000 người; Dân tộc Tày: khoảng 1 845 000 người; Dân tộc Thái: khoảng 1 821 000 người; Dân tộc Ê-đê: khoảng 399 000 người.  b)  Dân tộc Kinh: khoảng 82 086 nghìn người; khoảng 82,086 triệu người;  Dân tộc Tày: khoảng 1 845 nghìn người; khoảng 1,845 triệu người;  Dân tộc Thái: khoảng 1 821 nghìn người; khoảng 1,821 triệu người;  Dân tộc Ê-đê: khoảng 399 nghìn người; khoảng 0,399 triệu người.  – HS giải thích (mỗi nhóm trình bày một số).  Ví dụ:  HS vừa đưa bảng, vừa nói:  Dân tộc Kinh 82085826 người - HS đọc số. Giơ bảng có ghi số 82086000 - Đọc số. Nói cách làm tròn. Làm tròn số 82085826 đến hàng nghìn thì được số 82086000, vì chữ số hàng trăm là 8 nên phải thêm 1 vào chữ số hàng nghìn và các chữ số hàng trăm, chục, đơn vị chuyển thành chữ số 0. Lần lượt giơ bảng và đọc số 82086 nghìn người và 82,026 triệu người |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | | |

## Bài 24. VIẾT CÁC SỐ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

– Thể hiện được các số đo độ dài bằng cách dùng số thập phân.

– Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo độ dài

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Hoạt động khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi : Nhắc lại mối quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài  - Hai đơn vị đo độ dài liền kề, đơn vị lớn hơn gấp mấy lần đơn vị bé hơn?  – GV giới thiệu hình ảnh Khởi động .HS đọc các bóng nói  Giao việc cho các nhóm.  – GV tổ chức theo phương pháp nhóm các mảnh ghép. Mỗi nhóm/việc. Các nhóm GQVĐ.  •Bước 1: Tìm hiểu vấn đề  •Bước 2: Lập kế hoạch  •Bước 3: Tiến hành kế hoạch    •Bước 4: Kiểm tra lại  - Giới thiệu bài mới: Các em đã viết các  số đo độ dài dưới dạng số tự nhiên, phân số và hỗn số. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một cách viết các số đo độ dài mới, đó là viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân. | - HS tham gia trò chơi  Hai đơn vị đo độ dài liền kề, đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn..    – HS tìm hiểu phần Khởi động.  - HS đọc các bóng nói.    –Việc 1: Đổi 8 dm sang mét;  –Việc 2: Đổi 2 m và 15 cm sang mét  . Mỗi nhóm/việc . Các nhóm GQVĐ.  Nhận biết vấn đề cần giải quyết: Đổi đơn vị đo sang mét.  Nêu được cách thức GQVĐ (sử dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo).  HS thực hiện theo cách thức ở Bước 2.    So với số đo ở đề bài, so với mối liên hệ giữa các đơn vị đo. | |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân**  **-** Mục tiêu: Thể hiện được các số đo độ dài bằng cách dùng số thập phân.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Ví dụ 1: 8 dm = .?. m**  – Gợi ý của GV.  + Viết số đo dưới dạng phân số thập phân  có đơn vị đo là mét.  + Chuyển phân số thập phân thành số thập phân.  **Ví dụ 2: 2 m 15 cm = .?. m**  *Lưu ý:* Hai đơn vị đo độ dài liền nhau,  đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn. | – HS (nhóm bốn) thảo luận theo gợi ý của GV.  – HS trình bày:  8 dm = 8 m = 0,8 m 🡪 8 dm = 0,8 m.  10  Vì 8 < 1 🡪 Phần nguyên là 0 🡪 Mẫu số có  10  một chữ số 0 🡪 Phần thập phân có một chữ  số 🡪 Tử số là 8: Số có một chữ số  🡪 Số thập phân phải tìm là 0,8.  …  – Tương tự Ví dụ 1, HS tự **tìm hiểu** và **kết luận**.  2 m và 15 cm  2 m + 15 cm   2 m là phần nguyên.  – HS trình bày:  2 m + 15 cm = 2 m 15 cm  = 2 15 m = 2,15 m  100  🡪 2 m và 15 cm = 2,15 m.  Vì 2 15 có phần nguyên là 2 🡪Số thập  100  phân có phần nguyên là 2.  Mẫu số có hai chữ số 0 🡪 Phần thập phân có  hai chữ số 🡪 Tử số là 15: Số có hai chữ số 🡪Số thập phân phải tìm là 2,15.  … | |
| *Thực hành*  **Bài 1:**   * Khi sửa bài, GV cho HS **trình bày** (mỗi nhóm/số đo), **khuyến khích** HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. * GV giúp HS hệ thống lại mối quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài.   *Luyện tập*  **Bài 1:**   * GV cho HS **đọc** yêu cầu.   Khi sửa bài, GV cho HS **trình bày** (mỗi nhóm/câu), **khuyến khích** HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo (giống bài Thực hành 1). | – HS **thực hiện** cá nhân, **chia sẻ** nhóm đôi.   1. 2 dm = 0,2 m 345 cm = 3,45 m   17 mm = 0,017 m   1. 71 m 6 dm = 71,6 m 4 m 9 cm = 4,09 m   8 m 12 mm = 8,012 m  – HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. Ví dụ:   1. 345 cm = 3,45 m   Vì 345 cm = 345 m  345 > 1  100 100   345 : 100 = 3 (dư 45)   345 m = 3 45 m.  100 100  …  A table with numbers and symbols  Description automatically generated   * + HS **đọc** yêu cầu.   + HS thảo luận (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **xác định** việc cần làm: **Số thập phân?**   + HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  1. 8 dm 4 cm = 8,4 dm   1 cm 6 mm = 1,6 cm   1. 7 dm 2 cm = 0,72 m   6 cm 1 mm = 0,061 m  – HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. Ví dụ:  a) 8 dm 4 cm   Có phần nguyên là 8, đổi 4 cm sang dm   8 dm 4 cm = 8 4 dm = 8,4 dm  10   Vậy 8 dm 4 cm = 8,4 dm.  … | |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  - Mục tiêu:  *+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.*  *+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | | |
| *Thực hành*  **Bài 1:**   * Khi sửa bài, GV cho HS **trình bày** (mỗi nhóm/số đo), **khuyến khích** HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. * GV giúp HS hệ thống lại mối quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài.   *Luyện tập*  **Bài 1:**   * GV cho HS **đọc** yêu cầu.   Khi sửa bài, GV cho HS **trình bày** (mỗi nhóm/câu), **khuyến khích** HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo (giống bài Thực hành 1). | | – HS **thực hiện** cá nhân, **chia sẻ** nhóm đôi.   1. 2 dm = 0,2 m   345 cm = 3,45 m  17 mm = 0,017 m   1. 71 m 6 dm = 71,6 m   4 m 9 cm = 4,09 m  8 m 12 mm = 8,012 m  – HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. Ví dụ:   1. 345 cm = 3,45 m   Vì 345 cm = 345 m 🡪 345 > 1  100 100  🡪 345 : 100 = 3 (dư 45)  🡪 345 m = 3 45 m.  100 100  …  A table with numbers and symbols  Description automatically generated   * + HS **đọc** yêu cầu.   + HS thảo luận (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **xác định** việc cần làm: **Số thập phân?**   + HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  1. 8 dm 4 cm = 8,4 dm   1 cm 6 mm = 1,6 cm   1. 7 dm 2 cm = 0,72 m   6 cm 1 mm = 0,061 m  – HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. Ví dụ:  a) 8 dm 4 cm   Có phần nguyên là 8, đổi 4 cm sang đề-xi-mét   8 dm 4 cm = 8 4 dm = 8,4 dm  10   Vậy 8 dm 4 cm = 8,4 dm.  … |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  *+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.*  *+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | | |
| **Bài 2:**   * Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em đổi các số đo sang cùng một đơn vị đo rồi sắp xếp. * Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **đọc** dãy số và **giải thích** tại sao sắp xếp như vậy.   **Vui học**   * GV cho HS **đọc** yêu cầu.   Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **nói** kết quả và **giải thích** tại sao. | | * HS (nhóm đôi) **đọc** yêu cầu, **nhận biết**   nhiệm vụ rồi **thảo luận**.   * HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm. 2 500 m; 2,25 km; 2,05 km; 2 km 5 m * HS **giải thích** tại sao sắp xếp như vậy. Ví dụ: * Đổi sang đơn vị đo ki-lô-mét:   2 500 m = 2,5 km 2 km 5 m = 2,005 km   * Sắp xếp: 2,5 km; 2,25 km; 2,05 km; 2,005 km.   …   * HS **đọc** yêu cầu. * HS thảo luận (nhóm bốn) **tìm hiểu** bài, tìm cách làm:   + 1 đốt: 315 mm;  + 100 đốt: .?. m;  + So sánh với 33,25 m   * HS **thảo luận** và **làm** bài. * HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm.   Cây tre trăm đốt không cao bằng toà nhà 10 tầng, vì:  315 × 100 = 31 500  31 500 mm = 31,5 m  Cây tre trăm đốt dài 31,5 m.  31,5 m < 33,25 m |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | | |

## Bài 25. VIẾT CÁC SỐ ĐO KHỐI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

– Thể hiện được các số đo khối lượng bằng cách dùng số thập phân.

– Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo khối lượng.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  ***- Mục tiêu:*** + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  ***- Cách tiến hành:*** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Đố bạn?”.  + Nhắc lại cách viết phân số thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân thành số thập phân.   1. kg 2. 4 tấn   - GV yêu cầu HS nhắc lại mối quan hệ giữa một số đơn vị đo khối lượng  - Hai đơn vị đo khối lượng liền kề, đơn vị lớn hơn gấp mấy lần đơn vị bé hơn?  - GV giới thiệu hình ảnh phần Khởi động  - Giới thiệu bài mới: Các em đã viết các số đo khối lượng dưới dạng số tự nhiên, phân số và hỗn số. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một cách viết các số đo khối lượng mới, đó là viết các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân. Các em sẽ lần lượt đổi các số đo sang đơn vị tấn và viết số đo dưới dạng số thập phân. | - HS tham gia trò chơi  – HS chuyển đổi rồi viết vào bảng con, đọc kết quả và giải thích.  a) 0,7 kg  b) 4,027 tấn  Hai đơn vị đo khối lượng liền kề, đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn.    – HS tìm hiểu phần Khởi động.  - HS đọc các bóng nói  - Nhận biết yêu cầu: Đổi đơn vị đo sang tấn: 725 kg = .?. tấn  4 tấn 3 tạ = .?. tấn |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Viết các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân**  ***- Mục tiêu: T***hể hiện được các số đo khối lượng bằng cách dùng số thập phân.  ***- Cách tiến hành:*** | |
| -GV Giao việc cho các nhóm.  - GV cho các nhóm trình bày trước lớp - GV ghi nhận các bước lên bảng lớp  - Cả lớp nhận xét, bổ sung, …  **Ví dụ 1: 725 kg = .?. tấn**  GV nêu yêu cầu:  –Viết số đo dưới dạng phân số thập phân có đơn vị đo là tấn.  –Chuyển phân số thập phân thành số thập phân.  Khi sửa bài, GV cho HS trình bày trên bảng lớp (hoặc bảng phụ rồi treo lên).  2**. Ví dụ 2: 4 tấn và 3 tạ = .?. tấn**  – Tương tự Ví dụ 1.  Lưu ý: Hai đơn vị đo độ dài liền kề, đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn.  - GV nhận xét, tuyên dương. | –Việc 1: Đổi 725 kg sang tấn . Viết số đo dưới dạng số thập phân.  –Việc 2: Đổi 4 tấn và 3 tạ sang tấn . Viết số đo dưới dạng số thập phân.    - Số thập phân có phần nguyên là 0.  Mẫu số có ba chữ số 0 . Phần thập phân có ba chữ số . Tử số là 725: Số có ba chữ số. Số thập phân phải tìm là 0,725.    – HS trình bày và kết luận.   |  | | --- | | + 1 tạ = 1 tấn  3 tạ = 3 tấn  10 10 | |  4 tấn 3 tạ = 4 3 tấn = 4,3 tấn. | | 10 | | Vậy: 4 tấn 3 tạ = 4,3 tấn. | | Vì 4 3 có phần nguyên là 4  Số thập | | 10 | | phân có phần nguyên là 4. |   –Mẫu số có một chữ số 0  Phần thập phâncó một chữ số  Tử số là 3: Số có một chữsố  Số thập phân phải tìm là 4,3. |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo khối lượng*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  **-**GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân và chia sẻ trong nhóm đôi  -GV mời HS chia sẻ trước lớp và nói cách làm  -GV giúp HS hệ thống lại mối quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài. GV vấn đáp, gợi ý, HS điền vào bảng. | - 1HS đọc yêu cầu BT1  – HS thực hiện cá nhân, chia sẻ nhóm đôi.  a) 14 tạ = 1,4 tấn  72 yến = 0,72 tấn  5 kg = 0,005 tấn  b) 54 tấn 6 tạ = 54,6 tấn  2 tấn 5 yến = 2,05 tấn  1 tấn 90 kg = 1,09 tấn  – HS nói cách chuyển đổi đơn vị đo.  Ví dụ:  a) 1 kg =tấn nên 5 kg =tấn  < 1 . Phần nguyên là 0.  Mẫu số có ba chữ 0 . Phần thập phân có ba chữ số.  Tử số là 5: Số có một chữ số . Phần thập phân phải viết thêm hai chữ số 0 vào hàng phần mười và hàng phần trăm . Số thập phân phải tìm là 0,005.  Vậy: 5 kg = 0,005 tấn. |
| **Luyện tập**  **Bài 1:**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  **-** GV cho HS thảo luận nhóm đôi, xác  định các việc cần làm  -GV cho HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  – Khi sửa bài, GV cho HS trình bày (mỗi nhóm/câu), khuyến khích HS nói cách chuyển đổi đơn vị đo (giống bài Thực hành 1). | – HS đọc yêu cầu.  – HS thảo luận (nhóm đôi) tìm hiểu bài: Số thập phân?  –Trả lời  a) 9 tấn 8 tạ = 9,8 tấn 2 tạ 7 kg = 0,207 tấn  b) 4 150 g = 4,15 kg 9 kg 800 g = 9,8 kg  – HS nói cách chuyển đổi đơn vị đo.   |  | | --- | | Ví dụ: | | a) 2 tạ 7 kg  1 tạ = 1 tấn  2 tạ = 2 tấn | | 10 10 | |  1 kg = 1 tấn  7 kg = 7 tấn | | 1000 1000 | |  2 tạ 7 kg = 2 tấn 7 tấn | | 10 1000 | | = 200 tấn 7 tấn = 207 tấn. | | 1000 1000 1000 | | Vậy: 2 tạ 7 kg = 0,207 tấn. | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 2:**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận nhóm 4  – Khi sửa bài, GV cho HS nói kết quả và giải thích tại sao.  -GV nhận xét tiết học, tuyên dương  -Dặn dò | –HS đọc yêu cầu.  – HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, tìm cách làm:  1 ngày: 150 kg  30 ngày: .?. tấn  HS thảo luận và làm bài.  HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm.  Bài giải  150 × 30 = 4 500  4 500 kg = 4,5 tấn  Trong 30 ngày, con voi ăn hết 4,5 tấn thức ăn.  -HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

## Bài 26. VIẾT CÁC SỐ ĐO DIỆN TÍCH DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

– Thể hiện được các số đo diện tích bằng cách dùng số thập phân.

– Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1/ Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Hình vẽ phần Khởi động (nếu cần).

**2/ Học sinh:**

- SGK và các ĐDHT cần thiết

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  ***- Mục tiêu:*** + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  ***- Cách tiến hành:*** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Đố bạn?”.  + Nhắc lại mối quan hệ giữa các ĐV đo  🡪 Hai đơn vị đo diện tích liền kề, đơn vị lớn hơn gấp mấy lần đơn vị bé hơn?  -GV giới thiệu hình ảnh Khởi động  -GV Giới thiệu bài mới: Các em đã viết các số đo diện tích dưới dạng số tự nhiên, phân số và hỗn số. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một cách viết các số đo diện tích mới, đó là viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân. | - HS tham gia trò chơi  Hai đơn vị đo diện tích liền kề, đơn vị lớn hơn gấp 100 lần đơn vị bé hơn.    – HS tìm hiểu phần Khởi động  - HS đọc các bóng nói. |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân**  ***- Mục tiêu: T***hể hiện được các số đo diện tích bằng cách dùng số thập phân.  ***- Cách tiến hành:*** | |
| -GV Giao việc cho các nhóm.  - GV cho các nhóm trình bày trước lớp - GV ghi nhận các bước lên bảng lớp  - Cả lớp nhận xét, bổ sung, …  **Ví dụ 1: 93 = .?.**  GV gợi ý:  – Viết số đo dưới dạng phân số thập phân có đơn vị đo là mét vuông.  – Chuyển phân số thập phân thành số thập phân.  **Ví dụ 2: 1 7 = .?.**  – Tương tự Ví dụ 1.  Lưu ý: Hai đơn vị đo diện tích liền nhau, đơn vị lớn hơn gấp 100 lần đơn vị bé hơn.  - GV nhận xét, tuyên dương. | – Việc 1: Đổi 93 dm2 sang mét vuông 🡪Viết số đo dưới dạng số thập phân.  –Việc 2: Đổi 1 m2 7 dm2 sang mét vuông 🡪Viết số đo dưới dạng số thập phân.  HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện vào bảng con.    Vì < 1 🡪 Phần nguyên là 0 🡪 Số thập phân có phần nguyên là 0.  Mẫu số có hai chữ số 0 🡪 Phần thập phân có hai chữ số 🡪 Tử số là 93: Số có hai chữ số 🡪 Số thập phân phải tìm là 0,93.  - HS trình bày và kết luận.  + 1 =  🡪 7 =  🡪 **1 7 = 1**  = 1,07  Vậy: **1 7 = 1,07**  Vì **1** có phần nguyên là 1 🡪 Số thập phân có phần nguyên là 1.  Mẫu số có hai chữ số 0 🡪 Phần thập phân có hai chữ số 🡪 Tử số là 7: Số có một chữ số 🡪 Phần thập phân phải viết thêm chữ số 0 vào hàng phần mười 🡪 Số thập phân phải tìm là 1,07 |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  **-**GV mời 1 HS đọc yêu cầu BT1  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân và chia sẻ trong nhóm đôi  -GV mời HS chia sẻ trước lớp và nói cách làm  -GV giúp HS hệ thống lại mối quan hệ giữa một số đơn vị đo. GV vấn đáp, gợi ý, HS điền vào bảng. | - 1HS đọc yêu cầu BT1  – HS **thực hiện** cá nhân, **chia sẻ** nhóm đôi.   1. 342 dm2 = 3,42 m2   504 cm2 = 0,0504 m2   1. 80 m2 26 dm2 = 80,26 m2   7 m2 1 cm2 = 7,0001 m2  – HS nói cách chuyển đổi đơn vị đo.  Ví dụ:      🡪 Phần nguyên là 0 🡪 Mẫu số có 4 chữ số 0🡪 Phần thập phân có 4 chữ số 🡪 0504  🡪 Số thập phân cần tìm là 0,0504.  Vậy: 504 cm2 = 0,0504 m2 |
| **Luyện tập**  **Bài 1:**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  **-** GV cho HS thảo luận nhóm đôi, xác  định các việc cần làm  -GV cho HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  – Khi sửa bài, GV cho HS trình bày (mỗi nhóm/câu), khuyến khích HS nói cách chuyển đổi đơn vị đo (giống bài Thực hành 1). | – HS đọc yêu cầu.  – HS thảo luận (nhóm đôi) tìm hiểu bài, xác định các việc cần làm: Số thập phân?  – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.   |  | | --- | | a) 6 dm2 42 cm2 = 6,42 dm2 | | 37 cm2 6 mm2 = 37,06 cm2 | | b) 1 km2 5 ha = 1,05 km2 | | 2 ha 8 500 m2 = 2,85 ha |   – HS nói cách chuyển đổi đơn vị đo. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu: *Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 2:**  – GV cho HS đọc yêu cầu.  - GV cho HS thảo luận nhóm 4  – Khi sửa bài, GV cho HS nói kết quả và giải thích tại sao.  **Vui học**  –Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em đổi các số đo sang cùng một đơn vị đo rồi so sánh.  –Khi sửa bài, GV cho HS đọc đáp án và giải thích tại sao chọn số đó.  -GV nhận xét tiết học, tuyên dương  -Dặn dò | –HS đọc yêu cầu.  –HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, tìm cách làm:    1,875   * HS **giải thích**.   Ví dụ:  250 × 75 = 18 750  18 750 m2 = 1,875 ha   Số thập phân cần tìm là 1,875  - HS (nhóm đôi) **đọc** yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ rồi **thảo luận**.- HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ**.  Căn phòng của bạn chim vàng có diện tích lớn nhất.     * HS giải thích tại sao chọn số đó. Ví dụ: * Đổi sang đơn vị mét vuông:   9 dm2 = 9 m2 = 0,09 m2  100  841 cm2 = 841 m2 = 0,0841 m2  10 000   * So sánh:   0,09 m2; 0,0961 m2; 0,0841 m2   0,0961 m2 là số đo lớn nhất. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |